

XUNG ĐỘT TỘC NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP Ở ASEAN

NGUYỄN DUY THIỆU

1. Đặc điểm tộc người trong các nước thuộc ASEAN

1.1. Cơ cấu đa sắc tộc trong một quốc gia

Trên phạm vi toàn cầu chỉ có 12 quốc gia có bức tranh tộc người đơn nhất, nghĩa là quốc gia chỉ có một tộc người, còn lại các quốc gia khác đều có bức tranh đa tộc người. Nhưng cấu trúc đa tộc người phức tạp nhất có lẽ là ở các nước trong khu vực Đông Nam Á. Nhận xét về mức độ phân bố tộc người xen cài ở khu vực này, GS. G. Condominas - một nhà Dân tộc học lớn, một người có kinh nghiệm trong nghiên cứu các tộc người ở Đông Dương - đã nói: các tộc người ở khu vực Đông Nam Á lục địa được cơ cấu theo cách xếp tầng, cơ cấu tộc người ở đây phức tạp đến mức một bản đồ tộc người dù với tỷ lệ lớn đến mấy cũng không thể phản ánh được cấu trúc tộc người dù chỉ ở trong một thung lũng hẹp thôi (1).

Ở đây, không đề cập về sự đa dạng của cơ cấu tộc người ở cấp độ khu vực mà chúng ta chỉ đề cập ở cấp độ quốc gia. Trước tiên là Myanmar, đất nước khoảng 40 triệu dân có rất nhiều tộc người khác nhau cùng cư trú. Theo các học giả phương Tây như J. Scotte, Marshall..., con số tộc người ở đất nước này lên tới 140 đơn vị; các học giả thuộc Liên Xô cũ đưa ra một số lượng khiêm tốn hơn, khoảng 50 đơn vị; còn theo các học giả

người bản địa thì ở đất nước này có khoảng 70 đơn vị tộc người (2). So với Myanmar, bức tranh tộc người ở Thái Lan cũng không kém phần phức tạp. Tại đất nước này có khoảng 40 tộc người với rất nhiều ngành, nhiều nhóm địa phương khác nhau(3). Ở Campuchia, bức tranh tộc người đỡ phức tạp hơn, nhưng thành phần các tộc người ở nước này cũng bao gồm hàng chục đơn vị (4). Cơ cấu tộc người đặc biệt phức tạp là ở Lào, đất nước chưa đầy 5 triệu dân này, trong cuộc điều tra dân số năm 1985 đã thống kê được 820 tên gọi tộc người (tên tự gọi). Căn cứ theo các tiêu chí tộc người (cùng lãnh thổ tộc người; nói cùng tiếng mẹ đẻ; có các mối liên hệ về cơ sở kinh tế tộc người; có các đặc trưng văn hoá chung; có chung ý thức cộng đồng) các nhà nghiên cứu ở Lào đã xếp các tộc người ở nước này thành 48 đơn vị tộc người. Tuy nhiên có thể nói rằng ở những nước có cấu trúc tộc người phức tạp như Lào thì không có danh mục tộc người nào có thể phản ánh sát với tình hình thực tế (5).

Bức tranh cơ cấu tộc người ở Việt Nam cũng phức tạp như ở Lào. Các nhà Dân tộc học Việt Nam đã phân loại cơ cấu tộc người ở nước này theo 54 đơn vị tộc người. Mặc dù danh mục này được điều tra trên phạm vi cả nước, được nghiên cứu, xử lý một cách công phu, nhưng dù công phu đến mấy, chắc chắn danh mục này cũng chưa thể nào phản ánh được sự đa dạng và tính phức tạp của cơ cấu tộc người trên thực tế.

Cơ cấu tộc người ở các nước Đông Nam Á thuộc khu vực hải đảo cũng không kém phần đa dạng và phức tạp. Theo các nhà ngôn ngữ học ở Indônêsi-a - đất nước của 3.000 (thực ra là của 13.667) hòn đảo- có tới 300 nhóm ngôn ngữ tộc người (6). Ở Philippine có hơn 90 nhóm địa phương thuộc nhiều tộc người khác nhau. Còn ở Malaysia cơ cấu tộc người cũng vô cùng phức tạp. Nước này có tới hàng trăm nhóm người bản địa sống rải rác ở khắp các đảo.

Tại các nước Đông Nam Á hải đảo, bức tranh tộc người càng đa dạng hơn bởi sự có mặt một cách đồng đảo của nhiều nhóm người Hoa và người Ấn. Có nước như Singapore, người Hoa đã trở thành cư dân chủ thể với số lượng dân số chiếm tới 78% (7). Đã thế, tình hình tôn giáo lại cũng góp phần làm cho bộ mặt tộc người ở Đông Nam Á hải đảo thêm phức tạp. Ví dụ như ở Malaysia, tại nhiều vùng, người địa phương coi tôn giáo (đạo Hồi) như là một tiêu chí để phân loại tộc người. Từ *Malay* hoặc *Malayu* ở Xaba và Xaraoác đều được coi là đồng nghĩa với *Muslim*. Tại đây những cư dân theo đạo Hồi như người Bajau, Ilaun, Malanau... được coi là những người Mã Lai thuần chủng, còn những người không theo đạo Hồi ở Xaba được gọi là Idaun, còn ở Xaraoác được gọi là Dayak (8)...

Những gì vừa trình bày tóm tắt ở trên ít nhiều cho chúng ta biết về bức tranh tộc người ở các nước Đông Nam Á đa dạng và phức tạp đến mức nào.

1.2. Mỗi quốc gia có một tộc người chủ thể

Có thể nói, so với các khu vực khác trên thế giới, cơ cấu tộc người ở các nước Đông Nam Á có một đặc điểm nổi bật là trong mỗi quốc gia thường có một tộc người chính, cũng gọi là tộc người *chủ thể*. Thông thường tộc người chủ thể ở mỗi nước thường chiếm đa số về mặt số lượng. Ví dụ, người Myanmar chiếm tới 70 % dân số của nước Myanmar; các tộc người nói tiếng Thái, mà trong đó đa phần là người Xiêm chiếm tới 74% dân số ở Thái Lan; còn người Khơ-me (Khơ Me Krôm, Khơ Me Kăng Đan) chiếm tới 88,9% dân số của nước Campuchia; các cư dân nói tiếng Lào Thay - ở Lào gọi là người Lào Lùm - trong đó đa phần là người Lào chiếm tới 70% dân số ở nước Lào; ở Việt Nam, tộc người Kinh chiếm trên 80% dân số; ở Indônêsi-a người Java chiếm 46,2% dân số; ở Singapore người Hoa chiếm 78% dân số; tại Malaysia và Philippine các tộc người chủ thể cũng chiếm một tỷ lệ nổi trội về số lượng dân số.

Các cư dân chủ thể nêu trên đã chiếm đa số về số lượng cư dân, lại phân bố ở những vùng có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội. Đó là các vùng đồng bằng châu thổ rộng lớn, các khu vực trung tâm thuận lợi cho việc giao lưu buôn bán trao đổi với các khu vực khác. Nhờ vậy mà các tộc người chủ thể ở Đông Nam Á đều đã phát triển rất sớm. Chính họ đã đóng vai trò nòng cốt trong việc hình thành các quốc gia cổ đại - tiền thân của các quốc gia dân tộc hiện nay ở Đông Nam Á. Hiện tại đa phần các lãnh tụ,

các chính khách, các nhà quản lý... trong hệ thống chính trị xã hội hiện giờ ở các nước đều thuộc về tộc người chủ thể. Bởi thế các chiến lược, các chính sách, các chương trình phát triển kinh tế, chính trị, xã hội... thường được thiết lập theo cách nhìn nhận của các cư dân thuộc tộc người chủ thể. Hơn thế, do có điều kiện kinh tế xã hội ổn định nên đã từ lâu dân số của tộc người chủ thể tăng lên nhanh chóng, gây ra nhiều làn sóng bùng nổ dân số, tạo ra sức ép gay gắt giữa số lượng dân số quá lớn, ngày càng tăng với sức chứa có hạn của đất đai và các nguồn lợi tự nhiên ngày càng cạn kiệt. Để giải quyết tình trạng trên, hầu hết các chính phủ trong khu vực đều lựa chọn giải pháp tổ chức đưa cư dân đồng bằng lên khai hoang miền núi và đã tạo nên những cuộc tranh chấp - nhiều lúc nhiều nơi rất dữ dội - về đất đai, về nguồn lợi; đồng thời cũng tạo nên những xung đột về lối sống, văn hoá giữa dân di cư và người bản địa. Tình trạng như vừa đề cập đã diễn ra ở hầu khắp các nước trong khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là ở các nước đất hẹp người đông như: Myanmar, Indônêsi-a, Philippine ...

1.3. Sự phát triển không đồng đều, không đồng nhất giữa các tộc người

Như đã trình bày, mỗi quốc gia dân tộc ở Đông Nam Á đều có một bức tranh cơ cấu tộc người rất đa dạng và phức tạp. Một trong các đặc điểm nổi bật về vấn đề dân tộc ở khu vực này là sự phát triển không đồng đều giữa các tộc người. Nếu như các tộc người chủ thể sinh sống ở khu vực đồng bằng châu thổ, nơi có điều kiện để canh tác lúa nước và phát triển các ngành nghề khác, nơi thuận lợi để

giao lưu với các khu vực bên ngoài, và nhờ đó mà đời sống mọi mặt của họ phát triển ở trình độ cao, thì các tộc người thiểu số lại sinh sống ở những địa bàn không thuận lợi. Địa bàn này chủ yếu là khu vực núi rừng, nơi có khí hậu, thời tiết rất khắc nghiệt, điều kiện để giao tiếp với các khu vực bên ngoài rất hạn chế. Bởi thế, các nhóm cư dân thiểu số sống khép kín theo từng cộng đồng nhỏ tồn tại bởi một nền kinh tế tự cấp tự túc. Họ thực hành phương thức canh tác nông nghiệp ruộng khô, làm rẫy phát đốt chọc tria, trồng lúa hoặc ngô để làm lương thực kết hợp với săn bắt hái lượm... để kiếm sống. Đa phần các tộc người thiểu số vẫn duy trì tập quán du canh du cư, với những tập quán văn hoá lạc hậu.

Nhìn chung mức sống của cư dân miền núi rất thấp: đói nghèo về kinh tế, cơ sở giáo dục và y tế yếu kém, điều kiện vật chất cho người bản địa hưởng thụ văn hoá nghèo nàn... Bởi thế, kinh tế xã hội ở khu vực miền núi và dân tộc phát triển chậm. Theo các chuyên gia có kinh nghiệm nghiên cứu trong khu vực miền núi thì không chỉ dừng lại ở thời điểm hiện thời mà trong khoảng 3 thập kỷ tới những vấn đề của các tộc thiểu số ở miền núi sẽ còn đặt ra những thách thức lớn lao, và dĩ nhiên là các vấn đề ấy không chỉ hạn chế trong phạm vi của một quốc gia nào mà là vấn đề chung của các nước Đông Nam Á và châu Á, như Nepal, vùng Đông Bắc Ấn Độ, vùng núi Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia, Indônêsi-a, Malaysia, Philippine, vùng Tây Tạng và cao nguyên Vân Quý của Trung Quốc... Vấn đề miền núi và dân tộc

cũng không chỉ thuần túy là vấn đề của các nước đang phát triển ở châu Á mà ngay cả ở nước Mỹ, tại vùng núi rộng lớn ở phía Đông Nam, đặc biệt là tại các cao nguyên khô cằn ở Arizona và New Mexico... vấn đề này cũng rất tồi tệ (9).

Có thể nói, khu vực miền núi và dân tộc đang ở trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng về xã hội và môi trường. Sự gia tăng những thảm họa về môi trường và hàng loạt tấn bi kịch đe dọa cuộc sống của con người có lẽ là những cảnh tượng mà vùng núi sẽ còn phải chứng kiến trong vài thập kỷ tới. Áp lực về dân số, suy thoái về tài nguyên và đói nghèo hoành hành... đang là những vấn đề thách thức mọi cố gắng của các chính phủ, các tổ chức quốc tế... nhằm phát triển kinh tế xã hội ở vùng núi và dân tộc. Trong bối cảnh khủng hoảng về xã hội, sinh thái như vừa đề cập, lẽ ra các cư dân bản địa phải chủ động hợp sức cùng các chính phủ để tìm lối thoát thì họ lại bị tác động bởi các thế lực tôn giáo để tranh thủ truyền đạo. Việc truyền giáo đã tạo nên mâu thuẫn mới gay gắt ở khu vực vốn đã đầy ắp các mâu thuẫn về sự tranh chấp đất đai, tranh giành khai thác các nguồn lợi, về sự chênh lệch mức sống giữa người bản địa với các cư dân mới di cư tới... Nói chung là do sự phát triển không đồng đều giữa các tộc người, đặc biệt là sự chênh lệch giữa tộc người đa số - chủ thể - với các cư dân thiểu số mà nảy sinh mâu thuẫn dẫn tới xung đột, nhiều nơi dẫn tới các phong trào đấu tranh ly khai, thách thức mọi cố gắng nhằm xây dựng một khu vực hợp tác và liên kết.

2. Xung đột tộc người tái bùng nổ ở khu vực Đông Nam Á

2.1. Quá trình xung đột sắc tộc ở khu vực Đông Nam Á

Như đã trình bày ở trên, cấu trúc tộc người ở khu vực, cũng như trong từng nước ở Đông Nam Á rất đa dạng. Đặc điểm, lịch sử tộc người - nhất là lịch sử tộc người trong thời kỳ các nước thực dân phương Tây đô hộ các nước Đông Nam Á rất phức tạp, tạo nên khả năng xung đột tộc người rất tiềm tàng. Trong thực tế, quá trình xung đột tộc người / sắc tộc đã diễn ra ở mức độ gay gắt trên diện rộng ở hầu khắp khu vực trong thời kỳ Chiến tranh thế giới lần thứ II cho tới những năm đầu của thập kỷ 60. Đây là thời kỳ phát triển của phong trào dân tộc chống lại các cường quốc thực dân châu Âu, đồng thời cũng là thời kỳ xác định các bản sắc dân tộc trong khu vực, thời kỳ có nhiều đảo lộn do sự can thiệp của Nhật Bản vào khu vực và là thời kỳ thành lập các quốc gia độc lập. Xung đột sắc tộc ở khu vực bùng nổ: tháng 4 - 1947, các yêu sách của các lãnh tụ cộng đồng Hồi giáo Mã Lai đòi quyền tự trị cho vùng Patani ở Thái Lan đã bắt đầu một giai đoạn khởi nghĩa và chống đối ở biên giới Thái - Mã Lai. Tháng 4 - 1948, các Tăng lữ Hồi giáo ở Bắc Arakan tuyên bố phát động một cuộc chiến tranh thần thánh chống chính phủ của nước Myanmar mới độc lập. Tháng 12 - 1948, một Ủy ban được thành lập ở Penang nhằm mục đích làm cho đảo Penang tách khỏi Liên bang Mã Lai. Tháng 1-1949, sau nhiều tháng, thậm chí một số năm căng thẳng và đụng độ nhỏ, dân Karen ở

Myanmar đã nổi loạn chống chính phủ trung ương của nước này. Ngày 25-5-1950, nước *Republik Maluku Selatan* (Cộng hoà Nam Molucca) tuyên bố độc lập, tách khỏi Cộng hoà Indônêsi-a. Và tháng 9-1953 dân vùng Aceh đã tham gia cuộc khởi nghĩa *Darul Islam*, bắt đầu từ năm 1948, đã lan ra khắp toàn quốc (10).

Chiến tranh thế giới lần thứ II kết thúc cũng đồng thời tạo ra hai hệ thống xã hội: hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa. Từ đây, loài người bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh và một lần nữa sự xung đột sắc tộc lại bùng nổ. Phong trào ly khai của người Karen, của người Shan và của người Kachin phát triển ở những năm 1950 và đầu những năm 1960. Cùng thời kỳ đó, nhằm mục đích chống Cộng sản ở Đông Dương, Mỹ đã xây dựng và hỗ trợ cho người Thượng ở Tây Nguyên Việt Nam và người Hmông ở Lào nổi dậy đấu tranh ly khai. Nhưng như sẽ đề cập ở phần sau, trong bối cảnh lúc bấy giờ các phong trào ly khai khó có cơ hội để thành công.

Sau đó, phong trào xung đột sắc tộc cho mục đích ly khai ở khu vực Đông Nam Á chìm lắng, chìm lắng đến mức như các nhà nghiên cứu nhận xét, đây là giai đoạn ở khu vực Đông Nam Á xung đột tộc người thấp nhất thế giới (11).

2.2. Phong trào xung đột sắc tộc tái bùng nổ ở khu vực

Vào cuối những năm 80, chiến tranh lạnh kết thúc. Bắt đầu từ đó là một quá trình toàn cầu hoá, một quá trình cơ cấu lại hệ

thống quyền lực trên phạm vi toàn cầu, tạo ra bối cảnh thuận lợi cho phong trào xung đột sắc tộc, phong trào đấu tranh đòi ly khai của các tộc người thiểu số ở khu vực Đông Nam Á bùng nổ trở lại.

Mở đầu cho một chu kỳ xung đột sắc tộc mới ở khu vực là việc cộng đồng người ở Đông Timo đấu tranh ly khai thành công (12). Nếu tính cả một số đảo nhỏ xung quanh như Atauro, Jaco thì Đông Timo có diện tích là 18.898km² (bằng diện tích của một tỉnh lớn ở Việt Nam), với khoảng tám trăm ngàn dân. Cơ cấu cư dân ở đây không mấy phức tạp: người bản địa (Indônêsi-a) chiếm 98,4%, người Trung Quốc chiếm 1%, người Bồ Đào Nha chiếm 0,2%, người lai (hỗn chủng giữa người Ả-rập, người Ấn Độ và người Negro) - 0,3%. Nhưng cơ cấu tôn giáo ở đây khá phức tạp: Catholic 92,3%, Thần bảo hộ 3,7%, Hồi giáo 3,1%, Ấn Độ giáo 0,6%, Phật giáo 0,3%. Tính phức tạp gay gắt về mặt tôn giáo là ở chỗ, giữa một thế giới đạo Hồi ở khu vực Đông Nam Á hải đảo chỉ nổi lên 2 cô đảo của Cơ Đốc giáo: Philippine và Đông Timo. Đông Timo lại là vị trí chiến lược kiểm soát con đường thuỷ huyết mạch từ Thái Bình Dương xuống Ấn Độ Dương. Do tính chất địa - chính trị như vậy nên Đông Timo được phương Tây, đặc biệt là Mỹ hết sức quan tâm. Lịch sử của hòn đảo này cũng rất phức tạp: sau chiến tranh thế giới lần thứ II tiếp tục nằm dưới sự uỷ trị của Bồ Đào Nha, đến năm 1975 bị Indônêsi-a sáp nhập thành một tỉnh. Khi chiến tranh lạnh kết thúc, được sự hỗ trợ từ phương Tây, đặc

biệt là từ Mỹ, từ Australia và New Zealand... nhân dân Đông Timo đã đấu tranh đòi ly khai khỏi Indônêsi-a và tự quyết định lấy vận mệnh của mình. Vấn đề là phong trào ly khai ở Đông Timo thành công vào cuối năm 1999 đã thúc đẩy một loạt phong trào ly khai khác - kiểu *Domeno* ở khu vực, trước hết là ở các tỉnh khác trong lãnh thổ của Indônêsi-a.

Phong trào xung đột hậu Đông Timo trong phạm vi Indônêsi-a trước hết nổ ra ở Aceh, tỉnh giàu có của nước này (chỉ tính riêng khí đốt đã chiếm 10% tổng thu nhập hàng năm của cả nước). Nhưng nguồn lợi để lại cho người bản địa không đáng là bao, nên họ nổi lên chống lại Nhà nước trung ương với yêu sách là công bằng trong việc phân chia nguồn lợi. Ở mức độ cao hơn, cộng đồng người địa phương đòi ly khai, tách khỏi Indônêsi-a.

Phong trào ở tỉnh Maluku lại mang tính chất xung đột về tôn giáo. Hầu hết cư dân ở Indônêsi-a theo đạo Hồi, nhưng đa phần cư dân ở tỉnh Maluku lại theo Thiên chúa giáo. Như đã trình bày ở trên, vào những năm 50 của thế kỷ XX phong trào đấu tranh đòi ly khai thành lập nước Cộng hòa Maluku đã bắt thành. Vào những năm cuối cùng của thế kỷ XX phong trào ly khai lại tái bùng nổ, ở mức độ trầm trọng hơn. Bất chấp mọi cố gắng của chính phủ và của các tổ chức quốc tế, cuộc chiến ở đây đã cướp đi sinh mạng của hàng ngàn người, hàng ngàn người khác phải chạy tỵ nạn... Hiện tại, tình hình vẫn tiếp tục leo thang, chưa có một giải pháp hữu hiệu nào để kiểm soát xung đột.

Phong trào đòi ly khai ở Indônêsi-a mang đậm tính chất sắc tộc cũng đã bùng nổ ở khắp nơi. Theo một thống kê được thiết lập năm 2000, trong 26 tỉnh, khu vực hiện tại có hơn một nửa có xu hướng ly khai, hoặc chí ít là bất mãn với chính phủ trung ương. Ở Kalimantan chẳng hạn, trong các thời kỳ trước đây đã có phong trào đòi độc lập, đến năm 1998 sự xung đột với tộc người Madura lại xảy ra ở mức độ nghiêm trọng. Người Papua lại nổi lên đòi độc lập ở tỉnh Irian. Người Sulawesi đấu tranh đòi thiết lập nhà nước độc lập Sulawesi...

Nhìn chung, phong trào ly khai hậu Đông Timo đã làm tan vỡ sự thống nhất trong đa dạng (*Bhinneka Tunggal Ika*) mà một thời nó đã từng làm nên sức mạnh của một Nhà nước đa đảo, đa sắc tộc, đa tôn giáo... Nhưng vấn đề là vết dầu loang của phong trào ly khai ở Đông Timo không tự hạn chế trong nội bộ Indônêsi-a mà nhanh chóng lan ra toàn bộ khu vực, trước tiên là lan sang nước Philippine láng giềng.

Nếu như ở Indônêsi-a, Hồi giáo là quốc giáo và so với Hồi giáo, các tôn giáo khác như Cơ Đốc giáo, Hindu giáo, Đạo giáo... bị lép vế, thì ở Philippine tình hình ngược lại. Tại nước này Thiên chúa giáo là quốc giáo và Hồi giáo bị lép vế hoàn toàn. Chính vì vậy, sau khi giành được độc lập vào năm 1946, chính phủ Philippine đã thi hành chính sách kinh tế đối với người Moro theo đạo Hồi. Trong vùng người Moro sinh sống việc quản lý lại nằm trong tay những người Cơ Đốc giáo.

Bởi vậy, như trình bày ở trên, trước đây nhiều lần người Moro đã nổi dậy đấu tranh đòi tự trị, hơn thế họ còn đòi phân lập, tách khỏi Philippine. Trong bối cảnh hiện tại, họ càng thúc đẩy sự nghiệp đấu tranh của mình, làm cho tình hình an ninh, chính trị, xã hội ở Philippine bất ổn. Mặc dù chính phủ Philippine đã đàm phán với lực lượng Abu Xayáp và tăng cường lực lượng cảnh sát, quân đội ở khu vực Mindanao để chống lại hoạt động ly khai của các nhóm Hồi giáo, nhưng bởi bản chất của vấn đề ở đây là xung đột tôn giáo nên vấn đề Moro ở Philippine sẽ còn lâu dài và rất phức tạp.

Từ các nước thuộc khu vực Đông Nam Á hải đảo, phong trào xung đột sắc tộc còn lan xuống tận quần đảo Solomon. Vào cuối năm 1998 thổ dân ở Guadalcanal với mục đích đòi lại đất đai của tổ tiên đã thành lập tổ chức vũ trang mang tên là *Quân cách mạng Guadalcanal*, sau này quân cách mạng đổi tên thành *Phong trào tự do Isatabu*. Tổ chức này đã liên tục phát động những cuộc tập kích vào người Malaita. Để chống lại, người Malaita cũng đã thành lập tổ chức vũ trang lấy tên là *Đại bàng Malaita*. Cuộc chiến tương tàn giữa hai tổ chức vũ trang của hai cộng đồng người này làm cho tình hình an ninh ở Solomon luôn luôn bất ổn.

Phong trào xung đột sắc tộc, đấu tranh ly khai ở khu vực Đông Nam Á hải đảo cũng đã lan đến khu vực Đông Nam Á lục địa. Tại Myanmar phong trào đấu tranh nhằm chống lại nhà nước trung ương tập quyền đòi ly khai của người Karen, người Shan, người

Kachin vốn đã dấy đi trong thời kỳ chiến tranh lạnh nay lại nổi lên...

3. Tác động của sự xung đột sắc tộc đến quá trình hội nhập và liên kết khu vực

3.1. Quan niệm về vấn đề sắc tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá

Như đã trình bày, mỗi quốc gia ở khu vực Đông Nam Á đều do rất nhiều tộc người / sắc tộc hợp thành. Đến lượt nó, các quốc gia - dân tộc lại hợp thành hệ thống quốc tế. Trong hệ thống như vừa nói quốc gia - dân tộc được coi là các chủ thể cơ bản. Về mặt lý thuyết, mặc dù các nhà Dân tộc học cho rằng quốc gia - dân tộc là một cộng đồng mang tính chất chính trị, xã hội, là đơn vị xã hội được tồn tại theo những tiêu chí rõ ràng, nhưng trong thực tế, nhiều lúc các chất liệu để gắn kết cộng đồng mang tính chất biểu tượng (như quốc huy, cờ, quốc ca...) lại nhiều hơn. Thực ra, quốc gia - dân tộc là một hệ thống chính trị được tổ chức rất chặt chẽ - chặt chẽ nhất trong mọi hệ thống xã hội.

Ngược lại với quốc gia - dân tộc được tổ chức chặt chẽ, thì *quốc tế* chỉ là một môi trường hỗn độn, vô tổ chức. Chính trong môi trường ấy mà tham vọng của mỗi quốc gia ở mức độ tối thiểu là để tồn tại, ở mức độ tối đa là trở thành người thống trị dân tộc khác.

Trong hệ thống đang bàn, *tộc người* - những đơn vị để cấu thành quốc gia - dân tộc - là những đơn vị ở cấp độ thấp nhất. Khác với quốc gia - dân tộc chỉ tồn tại trên cơ sở của các biểu tượng, tộc người là những đơn vị tồn tại trên những cơ sở có thực, đó là chủng tộc, ngôn ngữ, lãnh thổ, cơ sở kinh tế,

văn hoá và ý thức chung về cộng đồng... Nói cách khác, đơn vị tộc người vừa mang tính xã hội lại vừa mang tính sinh học nên nó được tồn tại rất lâu bền.

Trong thể chế như vừa trình bày, thời kỳ chiến tranh lạnh, quốc gia - dân tộc được coi là đơn vị trung tâm, quốc tế chỉ được quan niệm là một môi trường hỗn độn, còn tộc người so với quốc gia - dân tộc là đơn vị thứ yếu. Bởi thế mà mỗi khi gặp phải thách thức, thông thường ở cấp độ cá nhân cũng như ở cấp độ cộng đồng, sự lựa chọn là Tổ quốc - Tổ quốc là trên hết, trước hết. Nhưng bước vào thời kỳ toàn cầu hoá dường như mọi việc đã đổi thay.

Nhà xã hội học Malcolm Waters định nghĩa toàn cầu hoá là : *một tiến trình xã hội trong đó các ràng buộc về địa lý đối với các giá trị văn hoá và xã hội bị phá vỡ và con người nhận ra một cách nhanh chóng rằng họ cũng đang bị ảnh hưởng bởi tiến trình đó.* Còn David Held thì đã mô tả toàn cầu hoá như là *một sự phát triển nhanh chóng các mối liên hệ tương hỗ phức tạp giữa các Nhà nước và các xã hội* (13).

Toàn cầu hoá, xét về mặt xã hội là sự thay đổi ở tâm vĩ mô của hệ thống quốc tế, được tạo ra bởi sự xuất hiện các công cụ truyền thông mới. Ưu điểm trong công nghệ truyền thông và công nghệ vận tải đã làm thay đổi yếu tố không gian và thời gian. Điều đó đã tác động tới cấu trúc, tổ chức của trật tự xã hội. Với các công cụ truyền thông toàn cầu như Internet, sự liên kết tương tác xã hội có thể mở rộng hơn nhiều. Điều này tạo ra các chủ thể mới trong hệ thống quốc tế

và mạng lưới đa quốc gia mới. Đồng thời nó cũng làm cho mối quan hệ giữa *Tộc người- Dân tộc- Quốc tế* thay đổi.

Đứng về mặt thể chế xã hội, toàn cầu hoá đã tạo ra sự tương tác giữa các quốc gia ngày càng nhiều và nó đã vượt qua biên giới của mỗi quốc gia. Tại một số khu vực đã hình thành nên chính phủ của khu vực đó hoạt động song song với chính phủ của từng quốc gia (ví dụ trường hợp EU). Như vậy, trong thời kỳ toàn cầu hoá các chủ thể quyền lực là *liên quốc gia*. Điều này đã làm suy giảm quyền lực của các quốc gia - dân tộc. Trong bối cảnh của toàn cầu hoá vị thế của một số vấn đề cũng thay đổi. Ví dụ các vấn đề: xung đột vũ trang, khủng bố quốc tế, sự gia tăng mối đe dọa hạt nhân hay tội phạm có tổ chức, các hoạt động tài chính ngầm, huỷ hoại môi trường... không còn là vấn đề riêng của từng quốc gia mà đã trở thành các vấn đề của quốc tế. Toàn cầu hoá cũng đồng thời thúc đẩy sự phân hoá giàu nghèo, tạo ra sự chênh lệch quá lớn giữa nước giàu và nước nghèo, giữa các tộc người, mà trong trường hợp Đông Nam Á là giữa các tộc người bản địa ở miền núi với các cư dân mới di cư từ vùng khác đến, giữa tộc người chủ thể với các tộc thiểu số. Điều đó đã tạo nên nguồn gốc của các sự xung đột, được thể hiện ở nhiều dạng khác nhau: tranh chấp đất đai, tranh chấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên, xung đột tôn giáo, xung đột sắc tộc...

Như đã nói, một mặt toàn cầu hoá thúc đẩy sự hợp tác khu vực, củng cố các thể chế quốc tế và khu vực, thậm chí góp phần tạo

nên các điểm nóng trong bầu không khí chính trị thế giới; mặt khác, toàn cầu hoá tạo điều kiện cho việc phá vỡ các cấu trúc xã hội ở tâm quốc gia, *thúc đẩy sự ra đời của các Nhà nước nhỏ hay những khu vực độc lập* (những khu vực mà ở đó cộng đồng dân cư có tính đồng nhất cao).

Quá trình toàn cầu hoá cũng đã trực tiếp tạo nên một tình trạng mà trong đó các cuộc xung đột có tính cục bộ nhưng lại liên quốc gia, bắt nguồn từ nguồn gốc xã hội, chính trị hoặc địa lý của mỗi cộng đồng, gây ra cho các khu vực liên đới những rủi ro, những tình trạng bất ổn. Nói một cách khác, các cuộc xung đột có vị trí xác định trong mạng lưới các quốc gia trên toàn cầu, có thể lan tràn và tác động tới sự ổn định của các quốc gia khác, nhất là các quốc gia láng giềng.

Tóm lại, *khác với trước đây, trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện tại, các vấn đề (ví như vấn đề xung đột sắc tộc) không còn có thể tự hạn chế trong phạm vi của từng quốc gia riêng biệt, mà đã nhanh chóng trở thành các vấn đề quốc tế.*

3.2. Hội nhập và liên kết khu vực trong bối cảnh xung đột sắc tộc ở Đông Nam Á

Như đã trình bày ở phần đầu, Đông Nam Á chỉ tồn tại như một thực thể thống nhất theo văn hoá tộc người cho tới thời kỳ văn hoá Đông Sơn. Sau đó, vào thời kỳ đầu Công nguyên, khu vực này bắt đầu bị sự đô hộ từ hai nền văn minh lớn: văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ. Từ thế kỷ XVII, XVIII trở đi, các nước trong khu vực đều bị các

nước thực dân phương Tây đô hộ. Sau chiến tranh thế giới lần thứ II, theo những cách khác nhau, các nước trong khu vực đều giành được độc lập. Nhưng sau đó bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh các nước trong khu vực này bị chia làm hai, một nửa đi theo hệ thống tư bản chủ nghĩa, một nửa còn lại theo hệ thống xã hội chủ nghĩa. Ngay sau khi cuộc chiến tranh Đông Dương, đặc biệt là cuộc chiến tranh lạnh kết thúc, trên cơ sở Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, gọi tắt là ASEAN (Association of Southeast Asian Nations), được thành lập từ năm 1967. Tổ chức này đã mở rộng, kết nạp Việt Nam vào năm 1995; Lào, Myanmar - 1997; Campuchia - 1998, để cho tất cả các nước trong khu vực đều là thành viên của Hiệp hội. Với đặc thù của khu vực Đông Nam Á - *thống nhất trong đa dạng* - các nước trong cùng một Hiệp hội còn thuộc các hệ thống chính trị xã hội khác nhau, có trình độ phát triển kinh tế xã hội ở các cấp độ khác nhau, nên các thành viên chưa thể mơ ước Hiệp hội của mình sớm trở thành tổ chức chặt chẽ để có thể trở thành một dạng chính phủ chung cho toàn khu vực như EU.

Tuy nhiên ASEAN đang nỗ lực làm tất cả những gì có thể để thu hẹp sự cách biệt giữa các nước thành viên, tạo mọi điều kiện để các thành viên trong hiệp hội hợp tác liên kết ngày càng chặt chẽ hơn. Nhưng những nỗ lực của ASEAN đang gặp phải những thách thức lớn lao. Một trong những thách thức ấy là sự *xung đột tộc người*, cũng như phong trào *đấu tranh đòi ly khai* của một số cộng

đồng người đang diễn ra trên phạm vi toàn khu vực, với mức độ ngày càng gay gắt. Diễn biến của phong trào xung đột sắc tộc cho mục đích ly khai hiện nay ở Đông Nam Á đang đặt ra cho các chính khách, các nhà quản lý trong khu vực, cũng như cho tất cả những ai quan tâm đến thế sự một số vấn đề. Thứ nhất, là chúng ta nhìn nhận như thế nào đối với phong trào xung đột sắc tộc, phong trào đấu tranh ly khai hiện nay ? Thứ hai, chúng ta thử xem xét tác động của nó đến quá trình hợp tác, liên kết, hội nhập khu vực hiện nay ở Đông Nam Á như thế nào?

- Tại những khu vực mà cấu trúc tộc người đa dạng và phức tạp như ở Đông Nam Á thì một khi đời sống kinh tế càng phát triển, đời sống dân trí nâng cao, dân chủ xã hội được mở rộng... thì xung đột tộc người càng tăng lên. Phong trào xung đột sắc tộc nói riêng, chủ nghĩa dân tộc nói chung nở rộ ở khu vực Đông Nam Á vào giai đoạn thế chiến thứ II kết thúc cho tới thập kỷ 60. Trên thực tế tất cả thực thể chính trị ở Đông Nam Á ra đời trong tiến trình phi thực dân hoá đều duy trì được toàn vẹn lãnh thổ, loại trừ hai trường hợp. Thứ nhất, liên bang Mã Lai được thành lập năm 1963 bằng cách sáp nhập Mã Lai, Singapore, Sarawak và Sabah, nhưng năm 1965, Singapore đã ly khai khỏi liên bang đó. Thứ hai là trường hợp Đông Timo vốn là thuộc địa của Bồ Đào Nha đã sáp nhập vào Indônêsiá tháng 12-1975 (14). Giải thích lý do các nước Đông Nam Á duy trì được sự toàn vẹn lãnh thổ trước chủ nghĩa ly khai, Clive J.Christie cho rằng, để chống

lại chủ nghĩa Cộng sản vào những năm 1960, nhiệm vụ hàng đầu của Mỹ và các nước phương Tây là khuyến khích sự thống nhất trong các nước Đông Nam Á mới giành được độc lập (15).

Tiếp đó, thời kỳ từ thập kỷ 70 cho tới những năm đầu của thập kỷ 90, Đông Nam Á được coi là khu vực có mức độ xung đột tộc người thấp nhất thế giới (16). Giải thích nguyên nhân của tình trạng này, các nhà nghiên cứu đưa ra các lý do sau: 1. Không có các cuộc tuyển cử có tính cạnh tranh; 2. Chế độ một đảng chính; 3. Do thiết kế đặc biệt của các thể chế chính trị (theo kiểu tạo ra liên minh cầm quyền đa sắc tộc); 4. Các nước Đông Nam Á nhấn mạnh cơ cấu xã hội hơn là thể chế chính trị, làm cho các xung đột ở từng nhóm sắc tộc không lan ra toàn bộ hệ thống chính trị; 5. Giả thuyết không nhấn mạnh cả về chính trị lẫn xã hội mà chỉ coi trọng vấn đề kinh tế - khuynh hướng này tạo nên một tầm vóc so sánh giữa khu vực công cộng và khu vực tư nhân kiểu Đông Nam Á, làm cho vai trò các cá nhân trong khu vực tư nhân mờ nhạt (17). Tôi cho rằng cần bổ sung thêm một vài nguyên nhân khác nữa, ví dụ: do Nhà nước kiểu trung ương tập quyền - mà trong đó các thành viên của tộc người chủ thể đóng vai trò nòng cốt - đủ mạnh để kiểm soát được tình hình an ninh chính trị trong mỗi nước.

Nhưng, như đã trình bày, sự ổn định của khu vực Đông Nam Á bởi mức độ xung đột tộc người thấp đã không được duy trì. Vào những năm cuối cùng của thế kỷ XX, sau sự

kiện Đông Timo, phong trào xung đột sắc tộc, phong trào ly khai đã bùng nổ ở khắp nơi theo kiểu Domeno, thách thức nghiêm trọng đối với sự ổn định để phát triển ở khu vực Đông Nam Á.

- Vấn đề cuối cùng chúng ta cần thảo luận là, tại sao trong bối cảnh toàn cầu hoá, phong trào ly khai, phong trào xung đột tộc người lại bùng nổ dữ dội ở khắp nơi trên thế giới, đặc biệt là ở Đông Nam Á ? Cần thiết hơn là chúng ta xem xét phong trào xung đột sắc tộc tác động như thế nào đến quá trình hội nhập và liên kết ở khu vực ?

Như đã phân tích ở trên, quá trình toàn cầu hoá, về mặt thể chế chính trị xã hội chỉ thúc đẩy việc củng cố hệ thống quyền lực của các liên minh quốc gia và các tổ chức quốc tế mà xem nhẹ hệ thống quyền lực của các quốc gia dân tộc. Điều này đã làm cho hệ thống quyền lực của các quốc gia suy giảm. Ngược lại, ở cấp độ thấp hơn, các tộc người thiểu số lại được cộng đồng quốc tế chú ý, bên vực. Quá trình này cũng đồng nghĩa với việc thúc đẩy các cộng đồng người đồng nhất ở cấp độ nhỏ nổi dậy đấu tranh đòi quyền lợi, hoặc ở mức độ cao hơn là phân ly, thiết lập các nhà nước riêng của họ. Như vậy có nghĩa là, việc cơ cấu lại thể chế quyền lực trên phạm vi toàn cầu, cũng như việc mở rộng đời sống dân chủ chính trị xã hội quốc tế, là một trong những nguyên nhân quan trọng, làm cho xung đột sắc tộc trên thế giới cũng như ở khu vực Đông Nam Á bùng nổ.

Vấn đề xung đột sắc tộc thường được nhìn nhận theo hai chiều trái ngược. Chiều hướng thứ nhất, người ta coi xung đột sắc tộc làm mất ổn định nền an ninh quốc gia. Nếu đúng như vậy, thì có thể nói phong trào xung đột sắc tộc hiện nay ở Đông Nam Á đang đe dọa nền an ninh của khu vực và của từng quốc gia trong khu vực. Chiều hướng thứ hai, người ta cho rằng trong những xã hội có mâu thuẫn liên sắc tộc bất bình đẳng thì nhiều khi xung đột sắc tộc được coi là phương tiện để cho các nhóm phụ thuộc đòi những quyền và những nguồn lợi mà lẽ ra họ đã được hưởng. Nếu lý luận theo kiểu như vậy thì rõ ràng sẽ đi đến nhận định rằng phong trào xung đột sắc tộc hiện nay ở Đông Nam Á phản ánh khu vực này đang phát triển, đang đi theo chiều hướng dân chủ hoá đời sống chính trị xã hội quốc tế (?).

Về mặt lý thuyết còn có rất nhiều điều cần phải tranh luận, có điều ai cũng thấy được một cách rõ ràng là :

1. Phong trào xung đột sắc tộc ở Đông Nam Á đang làm cho khu vực này mất ổn định để phát triển.

2. Phong trào ly khai, phong trào xung đột sắc tộc ở Đông Nam Á thường dựa vào sự giúp đỡ về mọi mặt của các nước, các cường quốc đang có tham vọng ở khu vực này. Bởi thế các nước lớn thường nắm lấy cơ hội để lợi dụng phong trào nhằm thiết lập các mối quan hệ vì quyền lợi, vì lợi ích của họ mà kết cục chúng phương hại đến lợi ích của các quốc gia trong khu vực, trước hết là

cản trở sự nỗ lực cho một khu vực hoà bình, hợp tác để phát triển ở Đông Nam Á.

Chú thích

1. G. Condominas. *Ethnologie Regionle II, Encyclopedie de la Pleiade*, Paris, 1987.
2. Nguyễn Duy Thiệu (chủ biên). *Các dân tộc ở Đông Nam Á*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1997, tr.173.
3. Tài liệu đã dẫn, tr.244.
4. Tài liệu đã dẫn, tr.26.
5. Nguyễn Duy Thiệu. *Cấu trúc tộc người ở Lào*, Nxb.KHXH, Hà Nội, 1996.
6. Tài liệu đã dẫn (chú thích số 2), tr.59.
- Xem thêm: Grant Evans (Eds.). *Asia's cultural mosaic - an Anthropological introduction*, Publisher Prentice Hall, Singapore, 1993.
7. Tài liệu đã dẫn (chú thích số 2), tr.229.
8. Asmah Haji Omar. *The Malay peoples of Malaysia and their languages*, Dewan bahasa danpustaka kementerian pelajaran Malaysia, Kualalumpur, 1983, p. 437.
9. Neil. Jamieson, Lê Trọng Cúc, A. Terry Rambo. *Những khó khăn trong công cuộc phát triển miền núi ở Việt Nam*, Đại học quốc gia Hà Nội, Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường, Hà Nội, Tháng 5/ 1999.
10. Clive J. Christie. *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.15.
11. Kanchan Chandra. *Ethnic polities and regional security in Southeast Asia*. Bài trình bày tại Workshop : *On new approaches to peace & security*, Hanoi, August 26-28, 1999.
12. Nguyễn Duy Thiệu. *Xung đột ở Đông Timo (nhìn từ góc độ sắc tộc)*, Tc. Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 4-2000.
13. Dẫn theo Fiona B. Adamson. *Globalization and the transformation of National security Interests*. Bài trình bày tại Workshop: *On new approaches to peace & security*, Hanoi, August 26-28, 1999 .
14. Clive J. Christie. *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.51.
15. Tài liệu đã dẫn (chú thích số 14), tr.52.
16. Kanchan Chandra. Tài liệu đã dẫn (chú thích số 11).
17. Theo giả thuyết của các tác giả, trong các công trình sau:
- Posner. Daniel. 1998. *The Intitutional Origins of Ethnic Politics in Zambia*, Ph.D. Dissertation, Haward University.
- Horowitz, Donald. 1985. *Ethnic Groups in Conflict*. Berkeley University of California Press.
- Horowitz, Donald. 1994. *Democracy in Divided Societies*. In *Nationalism, Ethnic Conflict and Democracy*, Eds. Larry Diamond and Mare, F, Plattner, 35-55, Baltimore, Jonhns Hopkins press.
- Dahl, Robert. 1972. *Palyarchy, New Haven*, Yale University Press.
- Bates, Robert, 1973. *Modernization, Ethnic Compotition, and the Rationality of Politics in Contemporary Africa*.